

Số:19c/QĐ-THHL

Him Lam, ngày 28 tháng 3 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách đợt 2 năm học 2024 – 2025

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM

*Căn cứ chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng trường Tiểu học được quy định tại Điều 11 Điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;*

*Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục từ tháng 01 đến tháng 5/2025 (Năm học 2024-2025);*

*Căn cứ Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc Phê duyệt danh sách học sinh dân tộc rất ít người được hỗ trợ học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; năm học 2024 - 2025;*

*Xét đề nghị của Bộ phận kế toán trường Tiểu học Him Lam.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục từ tháng 01 đến tháng 05/2025 (Năm học 2024-2025).

Công bố công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; năm học 2024 – 2025.

Thời gian công khai: Từ ngày 28/3/2025 đến ngày 27/4/2025.

Hình thức công khai: Bảng tin trường, Website trường.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày kí.

**Điều 3.** Ban giám hiệu, các tổ trưởng chuyên môn, văn phòng, trưởng các đoàn thể, Bộ phận kế toán, Tổ công khai chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**  
- Như Điều 3;  
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Thị Bích**

Him Lam, ngày 19 tháng 02 năm 2025

**BÁO CÁO**

**Về việc tăng, giảm học sinh được hưởng chế độ chính sách  
học kỳ II, năm học 2024 – 2025**

Kính gửi - Phòng GD&ĐT thành phố Điện Biên Phủ.

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Nghị định số 57/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ về Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

Căn cứ Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 31/12/2013 của BGDĐT, BLD-TBXH, BTC về Quy định chính sách về giáo dục đối với trẻ khuyết tật.

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ về Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của UBND về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025;

Thực hiện văn bản số: 132/PGDĐT – KT ngày 06/2/2025. V/v Rà soát bổ sung các chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh học kỳ II, năm học 2024 – 2025;

Xét đề nghị của giáo viên chủ nhiệm 28 lớp, kế toán trường Tiểu học Him Lam;

Căn cứ vào giấy chứng nhận hộ nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh khu vực III thuộc thôn, bản đặc biệt khó khăn, giấy khai sinh của học sinh năm 2025 của học sinh học tại trường Tiểu học Him Lam học kỳ II, năm học 2024 - 2025.

Trường Tiểu học Him Lam báo cáo số học sinh được hưởng chế độ chi tiết cụ thể như sau:

**Chế độ hỗ trợ chi phí học tập học:**

- Tổng số học sinh được hưởng học kỳ I, năm học 2024 - 2025: 66 học sinh.
- Học kỳ II, năm học 2024 – 2025: 66 học sinh

- Điều chỉnh 02 học sinh là em: Mùa Chí Bình lớp 1A3; em Mùa Thành Long lớp 4A5 từ chế độ HS hộ nghèo chuyển sang chế độ HS ở thôn bản đặc biệt khó khăn.

Tổng số học sinh được hưởng chế độ chi phí học tập học kỳ II, năm học 2024 – 2025: 66 học sinh (có danh sách kèm theo).

**Chế độ hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người**

- Tổng số học sinh được hưởng học kỳ I, năm học 2024 - 2025: 01 học sinh.

- Học kỳ II, năm học 2024 – 2025: 01 học sinh

Tổng số học sinh được hưởng chế độ HS dân tộc rất ít người học kỳ II, năm học 2024 – 2025: 01 học sinh (có danh sách kèm theo).

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo chế độ chính sách của học sinh học kỳ II, năm học 2024 – 2025 của trường Tiểu học Him Lam./.

**KẾ TOÁN**

**Nguyễn Thị Lan**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Bích**

Số: 11 /QĐ-THHL

Điện Biên Phủ, ngày 16 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Hội đồng rà soát xét duyệt các chế độ chính sách cho học sinh thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập, HS dân tộc rất ít người

Học kỳ II, năm học 2024 - 2025

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM

*Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường tiểu học;*

*Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của UBND về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 57/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ về Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.*

*Căn cứ Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 31/12/2013 của BGDĐT, BLĐ-TBXH, BTC về Quy định chính sách về giáo dục đối với trẻ khuyết tật.*

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ về Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;*

*Thực hiện văn bản số: 132/PGDDĐT – KT ngày 06/2/2025. V/v Rà soát bổ sung các chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh học kỳ II, năm học 2024 – 2025;*

*Xét đề nghị của giáo viên chủ nhiệm 28 lớp, kế toán trường Tiểu học Him Lam;*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Thành lập hội đồng rà soát xét duyệt đối tượng là học sinh Tiểu học Him Lam được hỗ trợ chi phí học tập, HS dân tộc rất ít người học kỳ II, năm học 2024 – 2025 (có danh sách kèm theo);

Điều 2. Các thành viên hội đồng có trách nhiệm rà soát, xét duyệt chế độ chính sách. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn để giải quyết đúng đối tượng được hưởng, đầy đủ các chế độ theo qui định;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí. Các ông (bà) giáo viên chủ nhiệm 28 lớp, kế toán, cá nhân có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



*Nguyễn Thị Bích*

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

*Kỳ II Năm học 2024 - 2025 (Tháng 1+2+3+4+5/2025)*

**THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

ST T	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Mô côi	Tàn tật, khuyết tật	Hộ nghèo	Thôn, bản ĐBK K	Số tháng được hưởng	Định mức (150.000 đ)	Thành tiền	Số tài khoản PH	Ngân hàng	Tên chủ TK	Quan hệ với học sinh
1	Mùa Chí Bình	1A3				1	5	150.000	750.000	105839446666	VietinBank - CN Điện Biên	Mùa A Páo	Bố đẻ
2	Nguyễn Tuệ Lâm	1A3				1	5	150.000	750.000	100876007435	VietinBank - CN Điện Biên	Nguyễn Thị Minh	Mẹ đẻ
3	Trần Đức Anh	1A3				1	5	150.000	750.000	3600851877	BIDV - CN Điện Biên	Lò Thị Nhân	Mẹ đẻ
4	Lò Anh Quyền	1A3				1	5	150.000	750.000	8912205096790	Agribank	Lò Thị Tươi	Mẹ đẻ
5	Sùng Mai Linh	1A3				1	5	150.000	750.000	100609665588	VietinBank - CN Điện Biên	Mai Thị Thanh Liên	Mẹ đẻ
6	Thùng Thị Ái Vân	1A4			1		5	150.000	750.000	105869536873	VietinBank - CN Điện Biên	Tùng Thị Ngoai	Mẹ đẻ
7	Giàng Tiến Đạt	1A4				1	5	150.000	750.000	104871023748	VietinBank - CN Điện Biên	Vừ Thị Tông	Mẹ đẻ
8	Sùng Diễm Chi	1A4				1	5	150.000	750.000	109875100144	VietinBank - CN Điện Biên	Sùng A Dừng	Bố đẻ
9	Vừ Đức Huy	1A4				1	5	150.000	750.000	8910205018793	Agribank - CN Huyện ĐB Đông	Sùng Mĩ Hà	Mẹ đẻ
10	Đặng Lâm Anh Kiệt	1A4				1	5	150.000	750.000	0376339956	Ngân hàng MB	Lâm Thị Giang	Mẹ đẻ
11	Vàng Ngọc Bích	1A5				1	5	150.000	750.000	106875113871	VietinBank - CN Điện Biên	Vàng A Dính	Bố đẻ

12	Hạng Thảo My	1A5			1	5	150.000	750.000	8907205010569	Agribank - CN Mường Chà	Hạng A Sinh	Bố đẻ
13	Lâu Anh Linh	2A1			1	5	150.000	750.000	100875090244	VietinBank - CN Điện Biên	Sùng Thị Xía	Mẹ đẻ
14	Vàng Thảo Vy	2A1			1	5	150.000	750.000	3600958705	BIDV - CN Điện Biên	Ly Thị Chí	Mẹ đẻ
15	Sùng Bảo Ngọc	2A1			1	5	150.000	750.000	3600631680	BIDV - CN Điện Biên	Thào Thị Sây	Mẹ đẻ
16	Lò Công Minh	2A1			1	5	150.000	750.000	8912205021546	Agribank - CN TP Điện Biên	Lương Thúy Nga	Mẹ đẻ
17	Lò Thùy Vy	2A1		1		5	150.000	750.000	0974650558	VietinBank - CN Điện Biên	Vừ Thị Thu	Mẹ đẻ
18	Hạng Minh Sơn	2A2			1	5	150.000	750.000	3600727419	BIDV - CN Điện Biên	Sùng Thị Sài	Mẹ đẻ
19	Lò Bảo Duy	2A2			1	5	150.000	750.000	3600198370	BIDV - CN Điện Biên	Lò Thị Quỳnh Trang	Mẹ đẻ
20	Sùng Trí Hùng	2A2			1	5	150.000	750.000	3600687674	BIDV - CN Điện Biên	Mùa Thị May	Mẹ đẻ
21	Thào Thị Thu Hiền	2A3			1	5	150.000	750.000	103870603733	VietinBank - CN Điện Biên	Thào A Ly	Bố đẻ
22	Phan Anh Đức	2A3			1	5	150.000	750.000	8900205122157	Agribank - CN tỉnh Điện Biên	Trần Thị Khuyến	Mẹ đẻ
23	Lù Phạm Ngọc Tuyết	2A4			1	5	150.000	750.000	8902215006944	Agribank - CN Thị xã Mường Lay	Phạm Thanh Hòa	Mẹ đẻ
24	Chang Minh Khôi	2A4			1	5	150.000	750.000	2807091992	MB	Bùi Thị Thuyền	Mẹ đẻ
25	Lại Hoàng Nhật Minh	2A4			1	5	150.000	750.000	8900205114165	Agribank - CN tỉnh Điện Biên	Hoàng Thị Út	Mẹ đẻ
26	Đặng Minh Lâm	2A5			1	5	150.000	750.000	3600746812	BIDV - CN Điện Biên	Trần Thị Thu Yên	Mẹ đẻ
27	Phạm Quang Bách	2A5			1	5	150.000	750.000	3600570385	BIDV - CN Điện Biên	Bùi Thị Nhân	Chị gái

28	Nguyễn Tiến Thắng	2A5		1		5	150.000	750.000	109006114811	VietinBank - CN Điện Biên	Nguyễn Thị Huyền	Mẹ đẻ
29	Khoảng Bảo Ngọc	2A6			1	5	150.000	750.000	8912205118110	Agribank - CN TP Điện Biên	Khoảng Văn Nguyễn	Bố đẻ
30	Lò Bảo Châu	2A6			1	5	150.000	750.000	107868653961	VietinBank - CN Điện Biên	Lò Văn Dũng	Bố đẻ
31	Mai Quỳnh Chi	2A6			1	5	150.000	750.000	3600942045	BIDV - CN Điện Biên	Đậu Thị Bắc	Mẹ đẻ
32	Lường Ngọc Diễm	2A6		1		5	150.000	750.000	108875472234	VietinBank - CN Điện Biên	Lường Văn Hương	Bố đẻ
33	Lâu Thị Quỳnh Hương	2A6			1	5	150.000	750.000	3600612977	BIDV - CN Điện Biên	Vàng Thị Mỹ	Mẹ đẻ
34	Chang Nhật Minh	3A2			1	5	150.000	750.000	2807091992	MB	Bùi Thị Thuyền	Mẹ đẻ
35	Lò Tiến Đạt	3A3			1	5	150.000	750.000	3600633507	BIDV - CN Điện Biên	Lò Thị Oanh	Mẹ đẻ
36	Mùa A Trung	3A4			1	5	150.000	750.000	8916205113058	Agribank - CN Mường Ảng	Mùa A Số	Bố đẻ
37	Sùng Kim Dung	3A4			1	5	150.000	750.000	3600562841	BIDV - CN Điện Biên	Mùa Thị Mi	Mẹ đẻ
38	Vừ Xuân Mạnh	3A4			1	5	150.000	750.000	107875100146	VietinBank - CN Điện Biên	Vừ A Thảo	Bố đẻ
39	Lò Hoàng Trung	3A4			1	5	150.000	750.000	3600335867	BIDV - CN Điện Biên	Lò Văn Trường	Bố đẻ
40	Giàng Thị Hoa	4A1			1	5	150.000	750.000	100875100143	VietinBank - CN Điện Biên	Giàng A Chả	Bố đẻ
41	Lâu Anh Si	4A1			1	5	150.000	750.000	100875090244	VietinBank - CN Điện Biên	Sùng Thị Xia	Mẹ đẻ
42	Giàng Thảo Linh	4A1			1	5	150.000	750.000	8900215068767	Agribank - CN Tỉnh ĐB	Giàng A Lâu	Bố đẻ
43	Vừ Thị Ngọc Hoa	4A1			1	5	150.000	750.000	3600111243	BIDV - CN Điện Biên	Vừ A Trai	Bố đẻ
44	Vừ Thu Hà	4A2			1	5	150.000	750.000	3600361181	BIDV - CN Điện Biên	Sùng Thị Tinh	Mẹ đẻ



62	Phan Tuấn Thành	5A4				1	5	150.000	750.000	3600705752	BIDV - CN Điện Biên	Hoàng Thị Thanh	Mẹ đẻ
63	Giàng Mai Ngân	5A5				1	5	150.000	750.000	939369369	Ngân hàng MB	Mai Thị Hoa	Mẹ đẻ
64	Sùng Tiến Đông	5A5				1	5	150.000	750.000	107875195290	VietinBank - CN Điện Biên	Hạng Thị Vàng	Mẹ đẻ
65	Mùa A Khánh	5A5				1	5	150.000	750.000	8912205133239	Agribank - CN TP Điện Biên	Giàng Thị Chu	Mẹ đẻ
66	Quảng Ngọc Bích	5A5		1			5	150.000	750.000	105878401278	VietinBank - CN Điện Biên	Lường Thị Sương	Mẹ đẻ
<b>Cộng</b>			<b>0</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>61</b>			<b>49.500.000</b>				

*Tiền bằng chữ: Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.*

**KÊ TOÁN**



**Nguyễn Thị Lanh**

**Điện Biên Phủ, ngày 19 tháng 2 năm 2025**



**Nguyễn Thị Bích**

ỦY BAN NHÂN DÂN TP ĐIỆN BIÊN PHỦ  
TRƯỞNG TIỂU HỌC HIM LAM

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI

Theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, ngày 09/5/2017

Từ tháng 1 đến tháng 8 năm 2025 Năm học 2024 - 2025

STT	Họ và tên	Lớp	Số tháng	Mức lương cơ sở	Định mức hưởng 40% Mức lương cơ sở	Thành tiền	Số tài khoản phụ huynh	Ngân hàng	Tên chủ TK	Quan hệ với học sinh
A	B	1	2	3	4	5 = 2*4	6	7	8	9
1	Chào Ánh Dương	3A3	8	2.340.000	936.000	7.488.000	3620285072	BIDV - CN Phong Thổ - Tỉnh Lai Châu	Hà Thị Châm	Mẹ đẻ
<b>Tổng cộng</b>						<b>7.488.000</b>				

Tiền bằng chữ: ( Bảy triệu bốn trăm tám tám nghìn đồng chẵn).

Kế toán



Nguyễn Thị Lanh

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Bích